

Mẫu số 89/CK-NSNN
(Thông tư số 343/2016/TT-BTC
ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính)



PHỤ LỤC 1: DƯ TOÁN THU, SỐ BỔ SUNG VÀ DỰ TOÁN CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TÙNG XÃ NĂM 2019

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Kèm theo Quyết định số 5977/QĐ-UBND ngày 21/12/2018

của UBND huyện Hòn Đất

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Tên đơn vị	Tổng thu NSNN trên địa bàn	Thu ngân sách xã được hưởng theo phân cấp			Số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp huyện	Số bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp huyện	Số bổ sung thực hiện điều chỉnh tiền lương	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	Tổng chi cân đối ngân sách xã
			Tổng số	Thu ngân sách xã hưởng 100%	Thu ngân sách xã hưởng từ các khoản thu phân chia					
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
	TỔNG SỐ	76.703	9.591	2.000	7.591	59.466	7.646	0	0	76.703
1	UBND thị trấn Hòn Đất	5.450	1.971	145	1.826	3.365	114			5.450
2	UBND thị trấn Sóc Sơn	5.881	1.011	144	867	4.637	233			5.881
3	UBND xã Mỹ Lâm	5.669	1.486	488	998	3.869	314			5.669
4	UBND xã Mỹ Hiệp Sơn	5.647	470	53	417	4.515	662			5.647

Số TT	Tên đơn vị	Tổng thu NSNN trên địa bàn	Thu ngân sách xã được hưởng theo phân cấp				Số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp huyện	Số bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp huyện	Số bổ sung thực hiện điều chỉnh tiền lương	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	Tổng chi cân đối ngân sách xã
			Chia ra		Tổng số	Thu ngân sách xã hưởng 100%					
			Thu ngân sách xã hưởng từ các khoản thu phân chia	Thu ngân sách xã hưởng từ thu phân chia							
5	UBND xã Sơn Kiên	5.035	1.253	577	676	3.782				5.035	
6	UBND xã Nam Thái Sơn	5.942	411	103	308	4.834	697			5.942	
7	UBND xã Thổ Sơn	6.085	797	86	711	4.250	1.038			6.085	
8	UBND xã Linh Huỳnh	5.049	342	75	267	4.345	362			5.049	
9	UBND xã Bình Sơn	5.348	657	33	624	4.151	540			5.348	
10	UBND xã Bình Giang	6.950	722	248	474	5.098	1.130			6.950	
11	UBND xã Mỹ Phước	4.988	160	16	144	4.214	614			4.988	
12	UBND xã Mỹ Thuận	4.924	149	10	139	4.138	637			4.924	
13	UBND xã Sơn Bình	4.944	35	22	13	4.323	586			4.944	
14	UBND xã Mỹ Thái	4.791	127		127	3.945	719			4.791	